

Bản án số: 01/2020/LĐ-ST
Ngày: 07-5-2020
V/v tranh chấp đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Chí Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Quốc Hưng
2. Ông Nguyễn Thanh Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án lao động của Tòa án nhân dân Quận 2, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 30/2019/TLST-LĐ ngày 30 tháng 7 năm 2019, về việc “*Tranh chấp việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-LĐ ngày 27 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐ-HPT ngày 25/03/2020 và số 20/2020/QĐ-HPT ngày 15/04/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đào Vi Bảo N, sinh năm 1984.

Thường trú: 17.08 khối F Lô N Chung cư khu A phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Căn A6-07 Chung cư C. Số 383 A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc B, theo Giấy ủy quyền lập ngày 06/8/2019 tại Văn phòng công chứng Sài Gòn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Việt Q của Công ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Công ty TNHH M Việt Nam.

Trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà A. Số 170 B, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh: Tầng 5, Tòa nhà H. Số 36 B, phường D, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Trần Thị Trà M (theo Văn bản ủy quyền số 03/MYTOUR-2019 lập ngày 02/8/2019); Bà Nguyễn Thị Minh H và ông Nguyễn Đức L (theo Giấy ủy quyền số 08/01 lập ngày 14/01/2020); Ông Nguyễn Thế H (theo Giấy ủy quyền số 104 ngày 10/4/2020).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Tạ Quốc K và Luật sư Nguyễn Thị T của Công ty Luật TNHH I Việt Nam, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

- Bà Đào Vi Bảo N (*vắng mặt*);
- Bà Nguyễn Thị Ngọc B (*có mặt*);
- Bà Trần Thị Trà M (*vắng mặt*);
- Bà Nguyễn Thị Minh H (*đề nghị xét xử vắng mặt*);
- Ông Nguyễn Đức L (*có mặt*);
- Ông Nguyễn Thế H (*có mặt*);
- Luật sư Nguyễn Việt Q (*có mặt*);
- Luật sư Tạ Quốc K (*có mặt*);
- Luật sư Nguyễn Thị T (*đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/7/2019, nguyên đơn là bà Đào Vi Bảo N do bà Nguyễn Thị Ngọc B đại diện trình bày:

Ngày 11/07/2014, Công ty TNHH M Việt Nam (gọi tắt là Công ty M) và bà Đào Vi Bảo N (gọi bà N) ký kết Hợp đồng lao động số 3690/2967 ngày 11/07/2014 và Phụ lục hợp đồng ngày 17/9/2014, thời hạn lao động là một năm (từ ngày 11/07/2014 đến ngày 11/07/2015), vị trí là Trưởng phòng kinh doanh và kiêm nhiệm thêm công việc ngoài hợp đồng là Người đứng đầu Chi nhánh Công ty TNHH M Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh (gọi tắt là Chi nhánh), địa điểm làm việc ở Chi nhánh tại: Tầng 8, Tòa nhà H. Số 36 B, phường D, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 0105983269-001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 02/08/2013).

Khi hết thời hạn hợp đồng lao động, Công ty M và bà N tiếp tục ký kết Hợp đồng lao động số 3690/3695 và Phụ lục hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng là một năm (từ ngày 12/07/2015 đến 12/07/2016), với vị trí công việc không thay đổi, là Trưởng phòng kinh doanh, kiêm nhiệm là Người đứng đầu Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

Đến ngày 13/07/2016, Công ty M và bà N tiếp tục ký kết Hợp đồng lao động số 3690/3841 và Phụ lục hợp đồng ngày 13/07/2016 và Phụ lục hợp đồng số

3690/PLHDDQ3-2016 ngày 13/7/2016. Thời hạn hợp đồng không xác định, bắt đầu từ ngày 13/07/2016, với vị trí công việc là Trưởng Phòng Kinh Doanh và kiêm nhiệm là Người đứng đầu Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh, địa điểm làm việc tại Tầng 5, Tòa nhà H. Số 36 B, phường D, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo hợp đồng lao động số 3690/3841, các bên thỏa thuận nội dung cơ bản như sau:

- Tiền lương: Tổng mức thu nhập hàng tháng. Mức lương sẽ được thể hiện trong bảng mô tả công việc mỗi quý.

- Lương cơ bản: là mức lương tham gia BHXH;

- Lương hiệu quả công việc: Căn cứ và năng lực và kết quả công việc đạt được, vị trí làm việc của nhân viên và quy định chung của công ty.

- Mức lương chức danh: theo đánh giá hàng quý hoặc theo bảng lương được quyết định bởi ban giám đốc.

Mức lương tham gia bảo hiểm của bà N như sau:

Từ tháng/năm	Đến tháng/năm	Mức lương
07/2016	09/2016	36.176.000
10/2016	07/2017	31.208.000
08/2017	05/2018	33.437.000
06/2018	12/2018	79.600.000
01/2019	01/2019	83.600.000

Trong quá trình làm việc, bà N hoàn thành tốt các công việc được giao. Tuy nhiên, đến thời điểm cuối tháng 12 năm 2018, Công ty M và bà N phát sinh tranh chấp liên quan đến hợp đồng lao động, về điều kiện, thủ tục nghỉ việc, giải quyết chế độ chính sách liên quan... Ngày 25/12/2018, bà Đào Vi Bảo N gửi thư điện tử xin nghỉ việc tới bà Elyta M, bà Phạm Thị Ngọc Ng, bà Nguyễn Hoàng Y để bày tỏ mong muốn được nghỉ việc.

Sau đó bà N đã làm Đơn xin nghỉ việc theo hướng dẫn và theo mẫu của Công ty TNHH M Việt Nam, ngày 14/01/2019 bà N ký đơn đề ngày 25/12/2018 và nộp cho bộ phận Nhân sự tại Chi nhánh Hồ Chí Minh để chuyển ra trụ sở công ty tại Hà Nội làm thủ tục chấm dứt Hợp đồng lao động theo quy định. Cùng ngày 14/01/2019, Công ty TNHH M Việt Nam có Thông báo bằng văn bản về việc tiếp nhận đơn xin nghỉ việc và đồng ý chấm dứt hợp đồng lao động với bà N. Ngày 15/01/2019, Công ty TNHH M Việt Nam có quyết định số 02/2019/QĐ-TGD về việc cho phép bà N không đến văn phòng công ty (Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh) làm việc từ ngày 15/01/2019 đến ngày 07/02/2019 nhưng vẫn được hưởng nguyên lương cùng quyền lợi khác theo quy định tại Nội quy và quy định pháp luật.

Ngày 18/01/2019, bà Đào Vi Bảo N có văn bản gửi cho Công ty TNHH M Việt Nam về việc hủy bỏ mọi trao đổi, thông tin, hồ sơ, tài liệu trước đây liên quan đến vấn đề bà N xin nghỉ việc tại công ty hoặc chấm dứt hợp đồng lao động. Ngày

28/01/2019, bà N có văn bản tái xác định ý kiến của bà N về việc hủy bỏ đơn xin nghỉ việc gửi Công ty TNHH M Việt Nam trước đây. Ngày 30/01/2019, Công ty TNHH M Việt Nam có văn bản số 01/2019/CV-MyTUOR phúc đáp cho bà N biết: Công ty TNHH M Việt Nam không chấp nhận yêu cầu hủy bỏ đơn xin nghỉ việc của bà N. Hợp đồng lao động của bà N sẽ được chấm dứt khi hết thời hạn báo trước theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/02/2019, Công ty TNHH M Việt Nam ban hành Quyết định số HR01-02022019/QĐ-MYTUOR về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Đào Vi Bảo N, thời điểm chấm dứt là ngày 08/02/2019. Quyết định này được giao cho bà N theo Biên bản bàn giao lập ngày 12/03/2019. Ngay sau khi nhận Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động bà N không đồng ý với quyết định này.

Ngày 22/7/2019, bà Đào Vi Bảo N khởi kiện vụ việc tranh chấp hợp đồng lao động đến Tòa án nhân dân Quận 2, với các yêu cầu: buộc Công ty M phải thanh toán cho bà N các khoản:

- Trả tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tạm tính từ ngày 01/02/2019 đến ngày 11/07/2019 là 05 tháng, cộng với ít nhất 02 tháng tiền lương với mức lương 83.600.000đ/tháng. Cụ thể:

+ Trả tiền lương: $(83.600.000 \times 5) = 418.000.000$ đồng.

+ 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động: $(83.600.000 \times 2) = 167.200.000$ đồng.

+ Bảo hiểm xã hội: $83.600.000 \times 17,5\% \times 5 = 73.150.000$ đồng.

+ Bảo hiểm y tế: $83.600.000 \times 3\% \times 5 = 12.540.000$ đồng

+ Bảo hiểm thất nghiệp: $83.600.000 \times 1\% \times 5 = 4.180.000$ đồng.

- Trợ cấp thôi việc (Thời gian làm việc từ ngày 11/07/2014 đến ngày 11/07/2019 là 5 năm. Trong đó, thời gian tham gia đóng BHTN là 4 năm 1 tháng nên thời gian tính trợ cấp thôi việc là 11 tháng và được làm tròn thành 1 năm). Cụ thể: $1 \times (83.600.000 \times 1/2) = 41.800.000$ đồng.

Tổng cộng các khoản yêu cầu với số tiền là 716.870.000 đồng.

Tại Đơn khởi kiện chỉnh sửa, bổ sung yêu cầu ngày 10/01/2020 và tại các Bản tự khai, Biên bản hòa giải bà Đào Vi Bảo N bổ sung các yêu cầu khởi kiện:

1/ Buộc Công ty M phải nhận bà N trở lại công ty làm việc theo đúng Hợp đồng lao động và phụ lục hợp đồng lao động mà hai bên đã ký kết.

2/ Buộc Công ty M phải thanh toán một lần cho bà N các khoản tiền theo yêu cầu tổng cộng số tiền là 1.776.140.420 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bà Đào Vi Bảo N tuyên bố rút lại yêu cầu Công ty M phải nhận bà N trở lại làm việc. Thống nhất với đề nghị của

người đại diện hợp pháp cho bị đơn, người đại diện hợp pháp cho bà Đào Vi Bảo N thay đổi lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Rút một phần yêu cầu là buộc Công ty M phải nhận bà N trở lại công ty làm việc. Sổ bảo hiểm xã hội đã được các bên chốt sổ và công ty đã giao trả Sổ bảo hiểm xã hội cho bà N xong, nay bà N không còn yêu cầu gì đối với Sổ bảo hiểm xã hội và những vấn đề khác có liên quan.

- Yêu cầu Công ty M trả cho bà N số tiền hỗ trợ là 700.000.000 đồng, để chấm dứt mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến Hợp đồng lao động số 3690/3841 ngày 13/7/2016 và Phụ lục hợp đồng ngày 13/07/2016 và Phụ lục hợp đồng số 3690/PLHDDQ3-2016, cũng như chấm dứt mọi yêu cầu khởi kiện khác đối với Công ty M.

- Số tiền 700.000.000 đồng được thanh toán chậm nhất vào ngày 19/5/2020, bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản được xác định tại phiên tòa là Tên chủ tài khoản: Bà Nguyễn Thị Ngọc B (người đại diện hợp pháp cho bà Đào Vi Bảo N); Số tài khoản: 646704060023300 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung thỏa thuận của các bên tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bà Đào Vi Bảo N cam kết không có kháng cáo hoặc khiếu nại nào khác. Về án phí sơ thẩm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn - Công ty TNHH M Việt Nam:

Ông Nguyễn Đức L và ông Nguyễn Thế H là người đại diện hợp pháp cho bị đơn tại phiên tòa thống nhất trình bày:

- Công ty TNHH M Việt Nam tự nguyện rút lại toàn bộ yêu cầu phản tố theo Đơn phản tố đề ngày 15/01/2020 và đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu phản tố này.

- Công ty TNHH M Việt Nam thống nhất thỏa thuận tại phiên tòa với người đại diện hợp pháp của bà Đào Vi Bảo N về việc Công ty TNHH M Việt Nam đồng ý trả cho bà N số tiền hỗ trợ là 700.000.000 đồng, để bà N chấm dứt mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến Hợp đồng lao động số 3690/3841 ngày 13/7/2016 và Phụ lục hợp đồng ngày 13/07/2016 và Phụ lục hợp đồng số 3690/PLHDDQ3-2016, cũng như chấm dứt mọi yêu cầu khởi kiện khác đối với Công ty TNHH M Việt Nam.

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thống nhất thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa như sau: Công ty TNHH M Việt Nam có trách nhiệm thanh toán cho bà Đào Vi Bảo N số tiền hỗ trợ là 700.000.000 đồng, chậm nhất vào ngày 19/5/2020 và sau khi nội dung này được toà án tuyên bố bằng quyết định/bản án đã có hiệu lực pháp luật. Số tiền này được thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản được xác định tại phiên tòa: Tên chủ tài khoản: Bà Nguyễn Thị Ngọc B (người đại diện hợp pháp cho bà Đào Vi Bảo N); Số tài khoản: 646704060023300

tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung thỏa thuận của các bên tại phiên tòa, Công ty TNHH M Việt Nam cam kết không có kháng cáo hoặc khiếu nại nào khác. Về án phí sơ thẩm đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư Nguyễn Việt Q đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa. Đồng thời, đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã rút lại.

Ý kiến của Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật sư Tạ Quốc K đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa. Đồng thời đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu phản tố của bị đơn đã tự nguyện rút tại phiên tòa.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Kiểm tra việc giải quyết vụ án lao động đã được thụ lý lại số 30/2019/TLST-LĐ ngày 30/7/2019, Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án thụ lý vụ án ngày 30/7/2019, đến ngày 27/02/2020 ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa thủ tục tố tụng và nguyên tắc xét xử công khai tại phiên tòa tuân thủ đúng luật định. Chủ tọa phiên tòa đã đảm bảo cho đương sự, cho người đại diện hợp pháp của đương sự được thực hiện đầy đủ quyền tranh tụng, được quyền thỏa thuận với nhau giải quyết toàn bộ nội dung tranh chấp tại phiên tòa.

Về các yêu cầu của đương sự: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ có tại hồ sơ và chấp nhận việc tự nguyện thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sự tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn tại phiên tòa và quyết định đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu đã rút;

Và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa; Xử lý án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào sự thống nhất thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa; xét việc tự nguyện rút các yêu cầu phản tố của bị đơn tại phiên tòa, xét việc tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:*

Nguyên đơn - bà Đào Vi Bảo N khởi kiện Công ty TNHH M Việt Nam về “*Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động*”, là loại vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án. Công ty TNHH M Việt Nam có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội nhưng nơi bà N thực hiện Hợp đồng lao động tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân Quận 2 là cơ quan có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm.

[2] *Về thủ tục tố tụng và phạm vi giải quyết vụ án:*

- Tiến trình tố tụng vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa sơ thẩm là thuộc trường hợp qui định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa, bà Trần Thị Trà M, bà Nguyễn Thị Minh H và Luật sư Nguyễn Thị T vắng mặt, có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Xét phạm vi giải quyết của vụ án: Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại phiên tòa, vì việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu của nguyên đơn và việc thay đổi này có lợi cho bị đơn là phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho bị đơn tự nguyện rút toàn bộ các yêu cầu phản tố là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc rút yêu cầu phản tố của bị đơn tại phiên tòa và đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH M Việt Nam đã rút.

[3] *Xét việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:*

Theo chứng cứ có tại hồ sơ thụ lý sơ thẩm và theo Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ lập ngày 12/12/2019, ngày 27/12/2019, ngày 13/01/2020 và ngày 26/02/2020, đương sự và người đại diện hợp pháp cho đương sự đều có mặt, họ đã thực hiện việc công khai, giao nộp chứng cứ và họ đã biết được chứng cứ của nhau, thừa nhận, không có khiếu nại gì về chứng cứ. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho các đương sự có mặt và được thực hiện việc tiếp cận, công khai, giao nộp chứng cứ bổ sung. Hội đồng xét xử, xét giải quyết vụ án sơ thẩm trong phạm vi yêu cầu, các chứng cứ do Tòa án thu thập, đương sự giao nộp, được bổ sung và chứng minh tại phiên tòa là bảo đảm nguyên tắc cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ chứng minh trong vụ án dân sự, theo quy định

tại khoản 1 Điều 6, Điều 91, 95, 96, 99, 101 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] *Xét nội dung yêu cầu và sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa:*

- Hội đồng xét xử xét ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa như sau: Công ty TNHH M Việt Nam có trách nhiệm trả cho bà Đào Vi Bảo N số tiền hỗ trợ là 700.000.000 đồng, để bà Đào Vi Bảo N chấm dứt mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến Hợp đồng lao động số 3690/3841 ngày 13/7/2016, Phụ lục hợp đồng ngày 13/07/2016, Phụ lục hợp đồng số 3690/PLHDDQ3-2016 ngày 13/7/2016, cũng như chấm dứt mọi yêu cầu khởi kiện khác đối với Công ty TNHH M Việt Nam.

- Thời hạn và phương thức thanh toán: Thanh toán chậm nhất vào ngày 19/5/2020, bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản được xác định tại phiên tòa. Tên chủ tài khoản: Bà Nguyễn Thị Ngọc B (người đại diện hợp pháp cho bà Đào Vi Bảo N); Số tài khoản: 646704060023300 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của đương sự thống nhất cam kết không có kháng cáo hoặc khiếu nại nào khác, kể cả về thời hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 19/5/2020. Tuy nhiên, trong cùng vụ án có giải quyết công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, có giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện đã rút và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện; chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn đã rút và đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu phản tố đã rút nên thời hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 19/5/2020 theo thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa là không bảo đảm thời hạn thực hiện quyền kháng cáo của đương sự trong bản án này theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thất cần xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ thanh toán là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thi hành án.

Đương sự được quyền tự nguyện và yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Hội đồng xét xử xét đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút: buộc Công ty M phải nhận bà N trở lại công ty làm việc. Số bảo hiểm xã hội đã được các bên chốt sổ và công ty đã giao trả Sổ bảo hiểm xã hội cho bà N xong,

nay bà N không còn yêu cầu gì đối với Sổ bảo hiểm xã hội và những vấn đề khác có liên quan.

- Hội đồng xét xử xét đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn theo Đơn phản tố đề ngày 15/01/2020 đã rút.

[5] *Án phí sơ thẩm:*

- Án phí lao động sơ thẩm đối với yêu cầu thay đổi của nguyên đơn được các đương sự thỏa thuận tại phiên tòa là 18.000.000 đồng, do Công ty TNHH M Việt Nam chịu toàn bộ, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

- Công ty TNHH M Việt Nam tự nguyện rút toàn bộ các yêu cầu phản tố, được chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố này nên căn cứ khoản 3 Điều 18 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 xét trả lại cho Công ty TNHH M Việt Nam toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.560.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0027303 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh;

Được cản trừ tiền tạm ứng án phí, Công ty TNHH M Việt Nam phải nộp thêm số tiền là 2.440.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Đào Vi Bảo N không phải chịu án phí lao động sơ thẩm;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 6, khoản 2 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm đ khoản 1 Điều 40; Điều 91, 95, 96, 99, 101 và Điều 210; khoản 1 và 2 Điều 244; Điều 227, Điều 228; Điều 273, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận thỏa thuận các yêu cầu của đương sự:

Công ty TNHH M Việt Nam có trách nhiệm trả cho bà Đào Vi Bảo N số tiền hỗ trợ là 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*), để bà N chấm dứt mọi tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện liên quan đến Hợp đồng lao động số 3690/3841 ngày

13/7/2016, Phụ lục hợp đồng ngày 13/07/2016, Phụ lục hợp đồng số 3690/PLHDDQ3-2016 ngày 13/7/2016 đối với Công ty TNHH M Việt Nam.

Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản được xác định tại phiên tòa. Tên chủ tài khoản: Bà Nguyễn Thị Ngọc B (người đại diện hợp pháp cho bà Đào Vi Bảo N); Số tài khoản: 646704060023300 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật. Các đương sự được tự nguyện và yêu cầu thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút: buộc Công ty M phải nhận bà N trở lại công ty làm việc. Sổ bảo hiểm xã hội đã được các bên chốt sổ và công ty đã giao trả Sổ bảo hiểm xã hội cho bà N xong;

3. Đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH M Việt Nam theo Đơn phản tố đề ngày 15/01/2020 đã rút.

4. Trách nhiệm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho bên được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Về án phí sơ thẩm:

Án phí lao động sơ thẩm đối với các yêu cầu của nguyên đơn được đương sự thỏa thuận tại phiên tòa là 18.000.000đ (*Mười tám triệu đồng*), do Công ty TNHH M Việt Nam chịu toàn bộ, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 15.560.000đ (*Mười năm triệu, lăm trăm sáu mươi nghìn đồng*) của Công ty TNHH M Việt Nam đã nộp, theo Biên lai thu tiền số AA/2018/0027303 ngày 10/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty TNHH M Việt Nam phải nộp thêm số tiền là 2.440.000đ (*Hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*), tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 2;
- Chi cục THA Dân sự Quận 2;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Chí Quang

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Trúc Chi